

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2019.

V/v: xin ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Mai Văn Bé Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa:* Bà Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05-8-2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Thùy D**, sinh năm 1991

Địa chỉ: số 421/5 ấp Tân Phước, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy Q**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: số 237/3 đường Trần Hưng Đạo, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

(Chị D có mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Mai Thị Thùy D trình bày:**

Chị và anh Q tự quen nhau và tự nguyện chung sống có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2016. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng có hạnh phúc nhưng dần dần về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau liên tục. Chị và anh Q đã tự ly thân từ tháng 02-2019 đến nay vẫn không có gặp nhau và không liên lạc với nhau.

Lý do chị D xin ly hôn: Do vợ chồng tính tình không hòa hợp. Chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống với bên nhà chồng nên thường xuyên vợ chồng cự cãi nhau, có lần chị cũng cự cãi với mẹ chồng. Nay thấy không còn tình cảm vợ chồng nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị D xác nhận không có.

Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa chị D có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: không có và hiện nay chị D cũng không mang thai.

Về tài sản chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

*Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Duy Q không có ý kiến theo Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án.

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Duy Q vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 28; Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20-10-2016 phù hợp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn chị D cho rằng, quá trình chung sống vợ chồng tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi nhau, chị không hòa hợp được với bên gia đình nhà chồng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống với nhau phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị D và anh Q đã tự ly thân chứng tỏ giữa vợ chồng thực sự có mâu thuẫn với nhau. Thời gian ly thân từ tháng 02-2019 đến nay vẫn không đoàn tụ được. Hơn nữa, căn cứ vào Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố G đình chỉ việc hôn nhân và gia đình giữa anh Q và chị D, thể hiện vợ chồng đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết thuận tình ly hôn tại Tòa án và đã rút đơn nhưng sau đó vẫn không hàn gắn tình cảm được. Do vậy, có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh Q.

Về con chung: Chị D xác định không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Q nhưng anh Q hoàn toàn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu sau này anh Q có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị Mai Thị Thùy D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003925 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị D được khấu trừ xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 8 và 9; Điều 51, Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn của chị Mai Thị Thùy D đối với anh Nguyễn Duy Q.

Tuyên bố chị Mai Thị Thùy D được ly hôn với anh Nguyễn Duy Q.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Mai Thị Thùy D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003925 ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G nên chị D được khấu trừ xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21-8-2019). Riêng bị đơn vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;*
- *Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Vĩnh Thanh Vân;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố G;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố G;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

